

Số: /2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐCP;

Xét Tờ trình số; Báo cáo thẩm tra số; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.....;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ, ưu đãi dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số (sau đây gọi tắt là Dự án) trên địa bàn tỉnh Lào Cai quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, doanh nghiệp trong nước hoặc có vốn đầu tư nước ngoài (theo quy định của Luật Đầu tư) thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ số tại địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số thuộc một hoặc nhiều nội dung hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật Công nghiệp công nghệ số.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát hỗ trợ.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp và phù hợp với điều kiện của địa phương.

2. Không hỗ trợ đối với các dự án đã và đang được hưởng hỗ trợ tương tự từ nguồn vốn Nhà nước khác.

3. Trường hợp một dự án đồng thời thuộc diện ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách khác nhau từ ngân sách nhà nước thì chỉ được lựa chọn một chính sách hỗ trợ có mức hỗ trợ cao nhất cho cùng một nội dung chi, bảo đảm không trùng lặp và không vượt quá định mức theo quy định.

4. Tổ chức, cá nhân được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

Điều 4. Tiêu chí hỗ trợ đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Tiêu chí chung

Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được xem xét hỗ trợ khi đáp ứng các tiêu chí chung sau:

- a) Có tư cách pháp nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- b) Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của địa phương;
- c) Có mục tiêu, nội dung dự án rõ ràng, gắn với các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này;
- d) Có khả năng triển khai thực tế, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng phát triển bền vững.

2. Tiêu chí cụ thể

Ngoài những tiêu chí chung đã quy định cụ thể tại khoản 1 điều này, dự án cần đáp ứng những tiêu chí cụ thể tương ứng với nội dung hỗ trợ đề nghị.

- a) Đối với nội dung đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số, dự án khởi nghiệp sáng tạo cần có nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu nhân lực công nghệ số của địa phương; ưu tiên đào tạo các lĩnh vực công nghệ số mới, công nghệ số cốt lõi; có yếu tố góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ trực tiếp cho dự án và doanh nghiệp khởi nghiệp.

b) Đối với nội dung thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số, dự án khởi nghiệp sáng tạo cần đáp ứng các tiêu chí cụ thể quy định tại Chương III Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số.

c) Đối với nội dung nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm, dự án khởi nghiệp sáng tạo cần đáp ứng tiêu chí đang trong giai đoạn nghiên cứu hoặc đang trong giai đoạn thử nghiệm, bắt đầu thương mại hóa. Sản phẩm, giải pháp có tính mới, tính sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng nhanh, bền vững, giải quyết các bài toán thực tiễn của tỉnh hoặc thị trường.

d) Đối với nội dung tư vấn khởi nghiệp, dự án phải bao gồm các hoạt động tư vấn, hỗ trợ về công nghệ, xây dựng mô hình kinh doanh, pháp lý, sở hữu trí tuệ và thương mại hóa sản phẩm cho các tổ chức, các nhân khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, nhằm hỗ trợ hình thành, phát triển và đưa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ra thị trường.

e) Đối với nội dung mua công nghệ và đổi mới công nghệ, công nghệ được mua, tiếp nhận hoặc đổi mới phải phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp công nghệ số của tỉnh; có hiệu quả rõ ràng trong việc nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc hiệu quả quản lý; góp phần đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh và nâng cao khả năng cạnh tranh.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

1. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số

a) Có kế hoạch đào tạo cụ thể, xác định rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, đối tượng đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo;

b) Nội dung đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghiệp công nghệ số của địa phương, trong đó ưu tiên các công nghệ số cốt lõi;

c) Đối tượng tham gia đào tạo là nhân sự của dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc nhân lực dự kiến sử dụng cho dự án;

d) Kinh phí đề nghị hỗ trợ có dự toán rõ ràng, phù hợp với quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số

a) Có phương án thu hút, sử dụng và giữ chân nhân lực chất lượng cao, xác định rõ vị trí việc làm, yêu cầu chuyên môn và vai trò của nhân lực đối với dự án;

b) Nhân lực được thu hút có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực công nghệ số;

c) Có cam kết làm việc, gắn bó với dự án và địa phương trong thời gian tối thiểu từ 24 tháng trở lên hoặc hết thời gian thực hiện dự án được phê duyệt;

d) Mức hỗ trợ đề nghị phù hợp với chính sách thu hút nhân lực và quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm

a) Có hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc sản xuất thử nghiệm, xác định rõ mục tiêu, nội dung, sản phẩm đầu ra và lộ trình thực hiện;

b) Nội dung nghiên cứu, thử nghiệm có tính mới, tính sáng tạo, khả năng ứng dụng hoặc thương mại hóa;

c) Có đủ nhân lực, cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật để thực hiện;

d) Kinh phí đề nghị hỗ trợ gắn với kết quả đầu ra cụ thể, bảo đảm khả năng nghiệm thu theo quy định.

4. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung tư vấn khởi nghiệp

a) Có nhu cầu tư vấn rõ ràng, phù hợp với giai đoạn phát triển của dự án khởi nghiệp;

b) Nội dung tư vấn phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện mô hình kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ, tài chính, pháp lý hoặc phát triển thị trường;

c) Hoạt động tư vấn do tổ chức, cá nhân có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện;

d) Chi phí tư vấn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Điều kiện hỗ trợ đối với nội dung mua công nghệ và đổi mới công nghệ

a) Có phương án mua, tiếp nhận hoặc đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án;

b) Công nghệ mua sắm hoặc đổi mới là công nghệ phù hợp, tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hoặc năng lực cạnh tranh;

c) Có tài liệu chứng minh nguồn gốc, tính hợp pháp và hiệu quả của công nghệ;

d) Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo đảm đúng mục đích, không trùng lặp với các nguồn hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 và bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ mẫu số 02 ban hành kèm Nghị quyết này;

b) Kế hoạch đào tạo, trong đó nêu rõ mục tiêu, nội dung, thời gian, hình thức đào tạo, đối tượng tham gia và kết quả dự kiến;

c) Danh sách học viên tham gia đào tạo hoặc dự kiến tham gia đào tạo;

d) Tài liệu giới thiệu đơn vị đào tạo hoặc giảng viên (nếu thuê ngoài);

đ) Dự toán kinh phí đào tạo và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ;

e) Cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích và phục vụ trực tiếp cho dự án.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 và bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ mẫu số 02 ban hành kèm Nghị quyết này;

b) Hồ sơ chuyên môn của nhân lực được thu hút (bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm);

c) Hợp đồng lao động, thỏa thuận làm việc hoặc cam kết làm việc tại địa phương trong thời gian nhất định;

d) Dự toán kinh phí hỗ trợ và thời gian đề nghị hỗ trợ;

e) Cam kết không sử dụng kinh phí hỗ trợ trùng lặp với chính sách khác.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 và bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ mẫu số 02 ban hành kèm Nghị quyết này;

b) Kế hoạch triển khai, tiến độ thực hiện và phương án tổ chức thực hiện;

c) Tài liệu chứng minh năng lực nghiên cứu, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp hoặc cá nhân chủ trì;

d) Dự toán kinh phí thực hiện và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ;

đ) Cam kết về khả năng ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung tư vấn khởi nghiệp gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 và bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ mẫu số 02 ban hành kèm Nghị quyết này;

b) Thông tin về tổ chức, cá nhân tư vấn (năng lực, kinh nghiệm);

c) Hợp đồng tư vấn hoặc dự kiến hợp đồng tư vấn;

d) Dự toán chi phí tư vấn và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ;

đ) Cam kết sử dụng kết quả tư vấn phục vụ trực tiếp cho hoạt động khởi nghiệp.

5. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với nội dung mua công nghệ và đổi mới công nghệ gồm:

a) Văn bản đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 và bản thuyết minh đáp ứng tiêu chí hỗ trợ mẫu số 02 ban hành kèm Nghị quyết này;

b) Tài liệu chứng minh tính hợp pháp của công nghệ (báo giá, hợp đồng nguyên tắc, tài liệu kỹ thuật);

- c) Dự toán kinh phí và mức kinh phí đề nghị hỗ trợ;
- d) Cam kết sử dụng công nghệ đúng mục đích và tuân thủ quy định pháp luật liên quan.

Điều 7. Trình tự, thủ tục xét duyệt hỗ trợ

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

a, Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết này*). Cách thức nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

b, Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện.

2. Thành lập Hội đồng thẩm định

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ lập Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng và quy chế hoạt động của Hội đồng; thành phần Hội đồng: Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ (Chủ tịch Hội đồng), Sở Tài chính (Phó Chủ tịch Hội đồng), các chuyên gia kỹ thuật và đơn vị có liên quan.

3. Tổ chức thẩm định hồ sơ

Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc độc lập, khách quan, thực hiện đánh giá đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định. Nếu hồ sơ đủ điều kiện, Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, thì trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do cho tổ chức/doanh nghiệp biết.

4. Xem xét và quyết định hỗ trợ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Chi phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số: Hỗ trợ 50% chi phí khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ số, kỹ năng quản trị doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cho nhân lực của dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

2. Chi phí thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số: Hỗ trợ 50% chi phí thu hút nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số tham gia trực tiếp vào dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

3. Chi phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất kiểm thử: Hỗ trợ 70% chi phí nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm, thực hiện kiểm thử nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án.

4. Chi phí tư vấn khởi nghiệp: Hỗ trợ 80% chi phí tư vấn bao gồm tư vấn mô hình kinh doanh, thị trường, sở hữu trí tuệ, pháp lý, tài chính và quản trị doanh nghiệp nhưng không quá 100 triệu đồng/dự án.

5. Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 50% chi phí mua bản quyền phần mềm, giải pháp công nghệ, bằng sáng chế phục vụ trực tiếp cho hoạt động của dự án nhưng không quá 1 tỷ đồng/dự án.

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách tỉnh, bao gồm chi đầu tư phát triển và chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Giám sát và đánh giá

1. Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ phải báo cáo định kỳ 06 tháng/lần về tiến độ thực hiện và báo cáo tổng kết theo mẫu do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan được ủy quyền tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất; kết quả giám sát được công bố công khai theo quy định.

Điều 11. Xử lý vi phạm và hoàn trả kinh phí

1. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhận hỗ trợ mà không thực hiện đúng cam kết, Ủy ban nhân dân tỉnh có quyền thu hồi toàn bộ khoản hỗ trợ đã giải ngân và xử lý theo quy định pháp luật.

2. Trường hợp có hành vi gian dối, hợp thức hóa chứng từ giả mạo để chiếm đoạt kinh phí hỗ trợ thì bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự, hành chính và tài chính.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; KHCN;
- Cục kiểm tra văn bản Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lào Cai;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban Đảng tỉnh ủy;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH....

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
BIỂU MẪU KÈM THEO NGHỊ QUYẾT
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

MẪU SỐ 01: ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày..... tháng..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO
TRONG CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền):
4. Điện thoại/Email liên hệ:
5. Tên dự án/hoạt động đề nghị hỗ trợ:
6. Loại hình hỗ trợ đề nghị (Đánh dấu X và ô phù hợp theo khoản 2, Điều 2):
 - ☐ Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
 - ☐ Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
 - ☐ Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm
 - ☐ Tư vấn khởi nghiệp
 - ☐ Mua công nghệ và đổi mới công nghệ
7. **Tổng vốn đầu tư:** đồng
8. **Mức hỗ trợ đề nghị:** đồng
9. **Căn cứ pháp lý và nội dung đề nghị:**
10. **Cam kết:**

Thông tin kê khai là trung thực, chính xác;

Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và tỉnh Lào Cai;
Sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

Người làm đơn
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

MẪU SỐ 02: BẢN THUYẾT MINH ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ HỖ TRỢ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên tổ chức/cá nhân thực hiện dự án:.....
2. Tên dự án:.....
3. Địa điểm thực hiện:
4. Loại hình dự án (Đánh dấu X và ô phù hợp theo khoản 2, Điều 2):

- ☐ Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
- ☐ Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
- ☐ Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm
- ☐ Tư vấn khởi nghiệp
- ☐ Mua công nghệ và đổi mới công nghệ

II. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT

1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số
 - a. Tên khóa đào tạo:.....
 - b. Nội dung đào tạo (Đánh dấu X vào mục phù hợp):.....

☐ Quản trị doanh nghiệp; ☐ Phát triển sản phẩm; ☐ Marketing số; ☐ Sở hữu trí tuệ

 - c. Đơn vị tổ chức đào tạo:.....
 - d. Sự cần thiết của khóa học:.....
- (Giải trình khóa học này giúp ích gì trực tiếp cho nội dung dự án khởi nghiệp đang triển khai)*
2. Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số
 - a. Phương án thu hút và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao *(giải trình cụ thể vai trò của từng nhân lực được thu hút đối với mục tiêu, nội dung và kết quả của dự án)*
 - b. Thông tin nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số *(cung cấp đầy đủ hồ sơ gồm văn bằng, chứng chỉ chuyên ngành, kinh nghiệm công tác và các tài liệu liên quan chứng minh năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số)*
 - c. Số tiền đề nghị hỗ trợ:.....
 3. Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm
 - a. Mô tả sản phẩm/dịch vụ nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm *(giải trình rõ yếu tố công nghệ tạo nên sự khác biệt, tính mới của sản phẩm)*
 - b. Mô tả tạo doanh thu của sản phẩm/dịch vụ: *(bán sản phẩm, thu phí thuê bao, phí dịch vụ...)*
 - c. Giai đoạn phát triển của sản phẩm/dịch vụ: (Đánh dấu X vào mục phù hợp)

☐ Giai đoạn thử nghiệm: Đã hoàn thành nghiên cứu, đang chạy thử nghiệm nội bộ hoặc nhóm nhỏ khách hàng

☐ Giai đoạn thương mại hóa: Đã có sản phẩm hoàn thiện, bắt đầu bán ra thị trường

d. Mô tả tiềm năng tăng trưởng và giải quyết vấn đề thực tiễn (*dự án giải quyết vấn đề gì của tỉnh Lào cai hoặc thị trường, ví dụ: Chuyển đổi số trong giáo dục, du lịch, nông nghiệp, xuất nhập khẩu...; dự kiến doanh thu trong 03 năm triển khai dự án*)

4. Tư vấn khởi nghiệp

a. Nội dung tư vấn: (Đánh dấu X vào mục phù hợp)

☐ Tư vấn hỗ trợ công nghệ

☐ Tư vấn pháp lý

☐ Tư vấn tài chính, kế toán

☐ Tư vấn đăng ký sở hữu trí tuệ

b. Đơn vị tư vấn:

c. Số tiền đề nghị hỗ trợ:

5. Mua công nghệ và đổi mới công nghệ

a. Nội dung đề nghị:

b. Phương án mua, tiếp nhận hoặc đổi mới công nghệ (*giải trình rõ tên công nghệ, nguồn gốc, tính năng kỹ thuật và mục đích sử dụng, phân tích hiệu quả của việc mua, đổi mới công nghệ đối với dự án*)

b. Tổng chi phí thực tế:

c. Số tiền đề nghị hỗ trợ:

III. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1. Cam kết triển khai dự án và duy trì hoạt động tại tỉnh Lào Cai tối thiểu 03 năm kể từ ngày nhận hỗ trợ.

2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ và chứng từ liên quan.

....., ngày tháng.....năm 20...

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)